

Bản án số: **111/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-12-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Ly

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy

Ông Trần Văn Xuân

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15/12/2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28/11/2017, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Anh B có mặt, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và các lời khai bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh B trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, anh và chị Nguyễn Thị Xuân T chung sống với nhau năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày. Hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay vợ chồng tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 09/11/1997, cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 05/12/2003 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 20/02/2006, khi ly hôn anh tự nguyện giao 02 con chung là cháu C và cháu N cho chị T nuôi dưỡng, cháu V đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai bổ sung, bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh B về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung. Theo chị vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và bỏ ra khỏi nhà sống từ năm 2014 tới nay. Trong thời gian vợ chồng không chung sống, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh B xin ly hôn, chị không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với anh B và cũng không muốn các con thiếu tình thương của cha.

Về con chung: Nếu trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng chung là Nguyễn Thanh C, sinh ngày 05/12/2003 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 20/02/2006. Cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 09/11/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh B yêu cầu ly hôn với chị T, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị T. Về con chung: Anh B tự nguyện giao cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 05/12/2003; Cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 20/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nên ghi nhận sự tự nguyện. Cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 09/11/1997 đã trưởng thành nên không giải quyết. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Thanh B có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân T, do đó xác định anh B là nguyên đơn, chị T là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Xuân T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị T vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của anh B nhận thấy: Anh B cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày. Xét thấy, mặc dù Chị T không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn tình cảm đối với anh B, hơn nữa chị không muốn các con thiếu tình thương của cha, tuy nhiên chị cũng thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị T là phù hợp.

Về con chung: Khi ly hôn, anh B tự nguyện giao con chung là cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 05/12/2003 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 20/02/2016 cho chị T nuôi dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự. Cháu Nguyễn Thanh V, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh B.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Về án phí: Anh B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 85; Điều 89; Điều 91; Điều 92; Điều 93, Điều 94 của Luật Hôn nhân gia đình 2000 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh C, sinh ngày 05/12/2003 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 20/02/2016, cho chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn thanh B.

Anh Nguyễn Thanh B được quyền thăm non, chăm sóc con chung. Khi cần thiết anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Xuân T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 000322 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc; Anh Nguyễn Thanh B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Ly